



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 90

Ngày 01 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 07-11-2018- Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND về bãi bỏ Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 3
- 07-11-2018- Quyết định số 42/2018/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố. 5
- 09-11-2018- Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND về ban hành giá cho thuê nhà ở công vụ do thành phố Hồ Chí Minh quản lý. 7

- 14-11-2018- Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND ban hành Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 11

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-9-2018- Quyết định số 3897/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch nâng điểm Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 - 2019. 29
- 13-9-2018- Quyết định số 4002/QĐ-UBND điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính xã Lý Nhơn, xã Tam Thôn Hiệp - huyện Cần Giờ. 43
- 02-10-2018- Quyết định số 4321/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 44
- 24-10-2018- Quyết định số 4749/QĐ-UBND ban hành Quy trình tổ chức thực hiện duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến hết năm 2020. 59

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về bãi bỏ Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố tại Báo cáo số 4252/BQL-KHTH ngày 15 tháng 10 năm 2018 và Sở Xây dựng tại Công văn số 10068/SXD-PTN&TTBĐS ngày 23 tháng 8 năm 2018; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6044/STP-KTrVB ngày 29 tháng 6 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ Quyết định số 75/2006/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế quản lý nhà cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh cá thể, cá nhân trong việc xây dựng, quản lý, sử dụng nhà cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành phố tiếp tục được giải quyết và thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 4. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các Sở ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện có liên quan ban hành văn bản hướng dẫn cho các hộ gia đình, cá nhân về trình tự đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho công nhân, người lao động thuê ở trên địa bàn thành phố.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Quỹ Phát triển nhà ở thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 42/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1670/TTr-SKH-CN ngày 27 tháng 7 năm 2018, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 6666/STP-VB ngày 18 tháng 7 năm 2018 và của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3944/TTr-SNV ngày 17 tháng 10 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Quản lý nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Sửa đổi Điều a Khoản 2 Điều 11 như sau:

“a) Số lượng: không quá 09 (chín) thành viên và 01 (một) thư ký hành chính”.

2. Sửa đổi Điểm b Khoản 4 và Khoản 6 Điều 12 như sau:

-Điểm b Khoản 4: “b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ mà Hội đồng tư vấn đang xem xét, trừ trường hợp đặc biệt do thủ trưởng cơ quan quản lý quyết định”.

- Khoản 6: “6. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của vấn đề cần tư vấn, thủ trưởng cơ quan quản lý xem xét quyết định số lượng thành viên và thành phần hội đồng khác với quy định tại Khoản 5 Điều này”.

3. Sửa đổi Điểm b Khoản 2 Điều 15 như sau:

“b) Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt danh mục nhiệm vụ có sử dụng ngân sách thành phố trên 01 (một) tỷ đồng đối với lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, trên 03 (ba) tỷ đồng đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên và khoa học công nghệ. Các trường hợp khác do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt”.

4. Bổ sung Điểm b Khoản 2 Điều 16 như sau:

“b) Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ được thực hiện thông qua Hội đồng tư vấn được thành lập theo quy định tại Điều 12 của Quy chế này.Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định phê duyệt, ký hợp đồng hoặc thông qua Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ dựa trên kết quả tư vấn của các Hội đồng, độ ưu tiên của nội dung nghiên cứu, khả năng cân đối ngân sách”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Lê Thanh Liêm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành giá cho thuê nhà ở công vụ do thành phố Hồ Chí Minh quản lý

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý và sử dụng nhà ở công vụ;

Căn cứ Thông tư số 124/2016/TT-BTC ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý số tiền thu được từ cho thuê, cho thuê mua và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; thanh toán tiền chênh lệch khi thuê nhà ở công vụ và quản lý tiền thu được từ cho thuê nhà ở công vụ theo quy định tại Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1336/TTr-SXD-PC ngày 25 tháng 01 năm 2018; ý kiến thẩm định của Giám đốc Sở Tư pháp tại Công văn số

19736/STP-VB ngày 12 tháng 12 năm 2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá cho thuê nhà ở công vụ do thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

2. Đối tượng áp dụng

- Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nhà ở công vụ.
- Cơ quan, đơn vị quản lý, vận hành nhà ở công vụ thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đơn giá cho thuê nhà ở công vụ

Đơn vị tính: Đồng/m²/tháng

Loại nhà ở	Nhà ở loại chung cư cao tầng (nhà ở công vụ Chung cư số 255 đường Trần Hưng Đạo, quận 1)	Nhà ở loại liên kế 1 tầng (nhà ở công vụ xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ)	Nhà ở loại chung cư thấp tầng (nhà ở công vụ thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ)
Đơn giá cho thuê 1 m ² sử dụng (đồng/m ² /tháng)	28.164	6.062	4.254

Điều 3. Hệ số điều chỉnh

Giá cho thuê nhà ở công vụ được tính trên cơ sở giá cho thuê quy định tại Điều 1, được điều tiết tăng (+), giảm (-) với các hệ số điều chỉnh được quy định sau đây:

Hệ số điều chỉnh theo vị trí tầng cao:

+ Đối với nhà ở công vụ Chung cư số 255 đường Trần Hưng Đạo, quận 1 (có thang máy) với các hệ số tầng cao như sau:

Vị trí tầng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Hệ số tầng cao	1,20	0,80	0,85	0,90	0,92	1,00	1,01	1,02	1,10	1,20

+ Đối với nhà ở công vụ thị trấn Cần Thạnh, huyện Cần Giờ (không có thang máy) với các hệ số tầng cao như sau:

Vị trí tầng	1	2
Hệ số tầng cao	1,1	0,9

Điều 4. Phương pháp xác định giá cho thuê nhà ở công vụ

1. Phương pháp xác định đơn giá thuê 1m² diện tích sử dụng nhà ở công vụ:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá cho thuê} \\ \text{nha ở công vụ} \\ \text{(đồng/m}^2\text{/tháng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá của loại, cấp} \\ \text{nha ở công vụ tương ứng} \\ \text{quy định ở phần trên} \end{array} \times \text{Hệ số điều chỉnh}$$

2. Tiền thuê nhà công vụ phải trả hàng tháng:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền thuê nhà ở công} \\ \text{vụ phải trả hàng tháng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá cho thuê} \\ \text{nha ở công vụ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích sử dụng} \\ \text{ghi trong hợp đồng} \\ \text{thuê nhà ở công vụ} \end{array}$$

Điều 5. Cách tính giá thuê nhà ở công vụ

Trường hợp nhà ở công vụ được bố trí sử dụng cho nhiều cá nhân thì giá thuê được tính như sau:

1. Trường hợp có 01 (một) cá nhân sử dụng độc lập: Áp dụng nguyên giá thuê nhà ở công vụ theo loại tương ứng.

2. Trường hợp có nhiều cá nhân sử dụng theo công suất quy định của từng loại nhà ở công vụ: Lấy tiền thuê nhà ở công vụ phải trả theo quy định chia đều cho số lượng cá nhân (theo công suất quy định) được bố trí cùng ở.

Điều 6. Nguyên tắc thu tiền thuê nhà ở công vụ

1. Tiền thuê nhà ở công vụ được thu hàng tháng.

2. Các cơ quan quản lý vận hành nhà ở công vụ thu trực tiếp từ người sử dụng nhà ở công vụ; quản lý và sử dụng nguồn tiền thu cho thuê nhà ở công vụ để làm cơ sở thanh quyết toán nguồn kinh phí này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2018.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

Giám đốc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện thống nhất Quyết định này trên địa bàn thành phố, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà thành phố, các tổ chức và cá nhân đang quản lý, sử dụng nhà ở công vụ do thành phố Hồ Chí Minh quản lý có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2018/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Nghị định 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chương trình hành động số 13-CTrHĐ/TU ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X về Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11 tháng 6 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố về công tác bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư và quản lý chất thải trên địa bàn thành phố;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10269/TTr-TNMT-CTR ngày 25 tháng 10 năm 2018 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 9174/STP-VB ngày 24 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận huyện, phường xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2018/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định cách thức phân loại, tổ chức thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Quy định quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan đến phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các nội dung khác không quy định tại Quy định này thực hiện theo Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân (*sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân*) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chất thải rắn sinh hoạt* (còn gọi là rác sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

2. *Phân loại chất thải rắn sinh hoạt* là hoạt động phân tách chất thải nhằm chia

thành các loại hoặc nhóm chất thải để có các quy trình quản lý khác nhau.

3. *Chủ nguồn thải* là các tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở phát sinh chất thải.

4. *Chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

5. *Chủ xử lý chất thải* là tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc điều hành cơ sở xử lý chất thải.

6. *Thu gom chất thải rắn sinh hoạt* là hoạt động tập hợp, lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các chủ nguồn thải, các điểm tập kết, điểm thu gom tới địa điểm hoặc cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

7. *Vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình chuyên chở chất thải từ nơi phát sinh đến nơi xử lý, có thể kèm theo hoạt động thu gom, lưu giữ (hay tập kết) tạm thời, trung chuyển chất thải và sơ chế chất thải tại điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển.

8. *Xử lý chất thải rắn sinh hoạt* là quá trình sử dụng các giải pháp công nghệ, kỹ thuật (khác với sơ chế) để làm giảm, loại bỏ, cô lập, cách ly, thiêu đốt, tiêu hủy, chôn lấp chất thải và các yếu tố có hại trong chất thải.

9. *Cơ sở phát sinh chất thải rắn sinh hoạt* là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt.

10. Các giải thích từ ngữ khác liên quan chưa được nêu tại Quy định này thì căn cứ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 4. Những nguyên tắc chung về phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý chặt chẽ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những tác động có hại đối với môi trường và sức khỏe con người; mọi hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Việc đầu tư xây dựng mới các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố phải tuân thủ theo quy định pháp luật về xây dựng và pháp luật bảo vệ môi trường có liên quan, đảm bảo theo hướng tái sử dụng, tái chế, đồng xử lý, xử lý thu hồi năng lượng, hạn chế tối đa việc chôn lấp chất thải.

3. Tổ chức, cá nhân trong sinh hoạt thường ngày có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; đăng ký dịch vụ thu

gom, vận chuyển, xử lý và nộp phí, giá dịch vụ theo quy định (trừ các khu vực chưa có dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt). Khuyến khích tổ chức, hộ gia đình áp dụng các giải pháp phù hợp để xử lý chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại nguồn, đảm bảo vệ sinh môi trường.

4. Chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại được xây dựng lộ trình và tổ chức thu gom, vận chuyển riêng đến các khu xử lý chất thải rắn tập trung. Các phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phân loại phải được phân biệt với các loại xe thu gom, vận chuyển chuyên dụng khác.

5. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; khuyến khích áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thân thiện với môi trường.

Chương II

PHÂN LOẠI, LƯU CHỨA CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 5. Phân loại chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý thành các nhóm như sau:

a) Nhóm chất thải hữu cơ dễ phân hủy (nhóm thức ăn thừa, lá cây, rau, củ, quả, xác động vật).

b) Nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (nhóm giấy, nhựa, kim loại, cao su, ni lông, thủy tinh).

c) Nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải nguy hại phát sinh từ hộ gia đình, chủ nguồn thải).

2. Tiêu chí phân loại “đạt” là: Hỗn hợp nhóm chất thải hữu cơ dễ phân hủy hoặc nhóm chất thải còn lại được xem là phân loại đạt khi thành phần chất thải hữu cơ dễ phân hủy hoặc thành phần chất thải còn lại lần dưới 10% khối lượng chất thải khác nhóm trong danh mục nhóm chất thải phân loại do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện xây dựng và ban hành danh mục nhóm chất thải phân loại quy định tại Khoản 1 Điều này phù hợp với công nghệ áp dụng xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

Điều 6. Quy định bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, chủ nguồn thải

1. Chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, chủ nguồn thải được lưu chứa trong các bao bì, thiết bị phù hợp, đảm bảo vệ sinh môi trường.

2. Bao bì (hay còn gọi là túi rác)

a) Không quy định màu sắc túi chứa rác.

b) Khuyến khích hộ gia đình, chủ nguồn thải sử dụng túi có màu trắng, màu xanh để chứa chất thải hữu cơ. Sử dụng các loại túi có màu sắc khác (trừ màu trắng, màu xanh) để chứa chất thải còn lại.

3. Túi chứa chất thải hữu cơ hoặc túi chứa chất thải còn lại được phân biệt bằng các hình thức như: dán nhãn, ghi dòng chữ trên túi, màu sắc túi hoặc đánh dấu để nhận biết trước khi chuyển đến điểm tập kết hoặc giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển.

4. Các trường hợp sau đây, không bắt buộc dán nhãn hoặc đánh dấu trên túi chứa rác sinh hoạt để nhận biết như quy định tại Khoản 3, Điều này:

a) Chủ nguồn thải, hộ gia đình sử dụng túi màu trắng, màu xanh để chứa chất thải hữu cơ.

b) Chủ nguồn thải, hộ gia đình sử dụng các loại túi trên thị trường đã có in dòng chữ để nhận biết.

c) Địa phương có quy định thời gian, tần suất thu gom riêng.

5. Thiết bị lưu chứa (hay còn gọi thùng rác)

a) Không quy định màu sắc thùng đựng rác.

b) Khuyến khích hộ gia đình, chủ nguồn thải sử dụng thiết bị lưu chứa là các thùng rác chuyên dùng của các nhà sản xuất có màu xanh để chứa chất thải hữu cơ, thùng rác có màu xám để chứa chất thải còn lại.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các nhãn dán nhận biết dán trên túi, thùng chứa chất thải hữu cơ và chất thải còn lại. Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức in ấn, cấp phát nhãn dán cho tổ chức, hộ gia đình để dán trên túi, thùng rác để nhận biết phân loại (khi có yêu cầu) từ nguồn kinh phí thành phố bổ sung hàng năm hoặc cân đối từ nguồn ngân sách quận, huyện. Số lượng, thời gian cấp (cấp lại) nhãn dán trên túi và thùng cho hộ gia đình, chủ nguồn thải do địa phương quyết định phù

hợp với Kế hoạch và phương án thu gom trong tuần do quận, huyện xác định (trừ khoản 5 Điều này).

Điều 7. Quy định về thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực công cộng

1. Trên các đường phố chính, các khu thương mại, quảng trường, công viên, khu vui chơi giải trí, điểm tập trung dân cư, đầu mối giao thông và các khu vực công cộng khác có bố trí các thùng rác sinh hoạt có dán nhãn để người dân nhận biết, phân loại.

2. Các thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phải có kích cỡ phù hợp với thời gian lưu giữ, đảm bảo môi trường và mỹ quan đô thị.

3. Địa điểm, vị trí, khu vực bố trí các rác sinh hoạt để phân loại tại các khu vực công cộng do Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện xác định.

Chương III THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT SAU PHÂN LOẠI

Điều 8. Tổ chức thu gom, vận chuyển

1. Đảm bảo tổ chức thu gom, vận chuyển riêng nhóm chất thải hữu cơ và nhóm chất thải còn lại.

2. Đối với nhóm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (hay còn gọi là phế liệu): hộ gia đình, chủ nguồn thải có thể bán, cho các tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu hoặc các tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Trường hợp không bán hoặc cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thì chủ nguồn thải, hộ gia đình bỏ chung với thùng chứa rác còn lại.

3. Tổ chức thu gom riêng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại:

a) Chất thải hữu cơ: tổ chức thu gom thứ 2, 4, 6, Chủ nhật trong tuần.

b) Chất thải còn lại: tổ chức thu gom thứ 3, 5, 7 trong tuần.

c) Tùy điều kiện thực tế tại địa phương, Ủy ban nhân dân các quận, huyện tổ chức, sắp xếp thời gian thu gom phù hợp và tùy khối lượng phát sinh của từng nhóm chất thải mà Ủy ban nhân dân các quận, huyện có thể tăng, giảm số ngày thu gom trong tuần nêu tại Điểm a, b Khoản 3 Điều này.

4. Trường hợp, các hộ gia đình khi có phát sinh chất thải đột xuất hay có khối

lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh nhiều như: có đám tiệc, ma chay, cưới hỏi, kinh doanh, dịch vụ ăn uống,.. và các chủ nguồn thải (là các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ...) có nhu cầu được tổ chức thu gom hàng ngày 02 nhóm chất thải phát sinh mà khác với quy định của địa phương tại Điểm a, b, c Khoản 3 Điều này thì phải thực hiện trả thêm chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển (hộ gia đình, chủ nguồn thải tự thỏa thuận với chủ thu gom, vận chuyển về tần suất và chi phí thu gom, vận chuyển tăng).

5. Tại các khu vực chưa có chủ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến thu gom hàng ngày hoặc các chủ nguồn thải, hộ gia đình có nhu cầu ủ chất thải hữu cơ trong khuôn viên thành phân bón, bón cho cây trồng nội bộ. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn trang thiết bị, quy trình thực hiện và triển khai công tác này.

Điều 9. Quy định phương tiện thu gom, vận chuyển

1. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải hữu cơ và nhóm chất thải còn lại khi đang hoạt động phải được trang bị như sau:

a) Phương tiện thu gom có dòng chữ “**THU GOM CHẤT THẢI HỮU CƠ**” hoặc “**THU GOM CHẤT THẢI CÒN LẠI**”.

b) Phương tiện vận chuyển có dòng chữ “**VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI HỮU CƠ**” hoặc “**VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI CÒN LẠI**”.

c) Dòng chữ để nhận biết được quy định tại Điểm a, b Khoản này với kích thước ít nhất là 30 (ba mươi) cm mỗi chiều, có thể tháo, lắp linh hoạt tùy theo loại chất thải được thu gom, vận chuyển và dán (gắn) ít nhất ở hai bên của phương tiện; có chiều cao chữ ít nhất 15 (mười lăm) cm; vật liệu và mực của dòng chữ nêu trên không bị mờ và phai màu.

2. Các phương tiện thu gom, vận chuyển chưa được nêu tại Khoản 1 Điều này thì phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật khi tham gia giao thông, đảm bảo vệ sinh môi trường, không rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, nước thải trong quá trình thu gom, vận chuyển.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện bố trí thêm điểm hẹn và xây dựng lộ trình vận chuyển riêng chất thải sau phân loại; kết nối, đồng bộ với lực lượng thu gom có sử dụng thùng 660 lít để thu gom tại nguồn với khoảng cách không quá 01km (một kilomet).

Điều 10. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại

Việc điều phối khối lượng chất thải hữu cơ dễ phân hủy và chất thải còn lại đến các khu, đơn vị tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường, dựa trên công suất tiếp nhận và công nghệ xử lý của các nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt để xử lý chất thải hữu cơ dễ phân hủy thành phân compost và chất thải còn lại được tái chế, đốt thu hồi năng lượng và chôn lấp hợp vệ sinh.

Điều 11. Trách nhiệm của hộ gia đình, chủ nguồn thải, cá nhân có phát sinh chất thải rắn sinh hoạt

1. Tự trang bị túi, thùng để phân loại, chứa chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày theo quy định tại Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

2. Thực hiện ký hợp đồng chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại theo Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

3. Thực hiện việc giao chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại cho đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 8 Quy định này.

4. Trả chi phí dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định và trả chi phí dịch vụ tăng thêm nếu có nhu cầu tăng tần suất thu gom khác với tần suất thu gom chất thải sau phân loại của địa phương quy định.

5. Được quyền giám sát và phản ánh với chính quyền địa phương khi phát hiện các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thực hiện không đúng theo khung thời gian và tần suất thu gom theo quy định.

6. Hộ gia đình, chủ nguồn thải thực hiện phân loại lại chất thải khi đơn vị thu gom tại nguồn từ chối thu gom chất thải theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm của đơn vị (tổ chức, cá nhân) thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại

1. Trách nhiệm của đơn vị thu gom tại nguồn

a) Đáp ứng về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển riêng chất thải hữu cơ và chất thải còn lại đến các điểm tập kết, trạm trung chuyển hoặc đến cơ sở xử lý theo quy định.

b) Tuyên truyền, nhắc nhở hộ gia đình, chủ nguồn thải thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Khuyến khích đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt sử dụng các tín hiệu riêng trong quá trình thu gom chất thải hữu cơ, chất

thải còn lại như: chuông, bài hát, nhạc không lời,.. để thông báo đến tổ chức, hộ gia đình biết giao 02 nhóm chất thải sau phân loại.

c) Chịu trách nhiệm về tình trạng rơi vãi chất thải rắn sinh hoạt, gây phát tán bụi, mùi hoặc nước rò rỉ ảnh hưởng xấu đến môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

d) Được quyền từ chối thu gom chất thải của hộ gia đình, chủ nguồn thải khi hộ gia đình, chủ nguồn thải thực hiện phân loại, chuyển giao chưa đúng theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 quy định này.

đ) Trường hợp hộ gia đình, chủ nguồn thải không chấp hành phân loại, chuyển giao không đúng nhóm chất thải theo quy định, sau khi đã được nhắc nhở nhiều lần (03 lần trở lên/01tuần), tổ chức, cá nhân thực hiện thu gom có trách nhiệm thông báo đến Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn biết để xử lý theo quy định.

2. Trách nhiệm của các đơn vị vận chuyển

a) Trang bị đầy đủ phương tiện vận chuyển đáp ứng yêu cầu theo quy định.

b) Thực hiện vận chuyển riêng chất thải hữu cơ và chất thải còn lại bằng các phương tiện vận chuyển phù hợp đến điểm hẹn, trạm trung chuyển hoặc vận chuyển trực tiếp đến các khu xử lý theo quy định.

c) Được quyền từ chối tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại từ tổ chức, cá nhân thu gom tại nguồn chuyển đến không đúng theo quy định.

đ) Được quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân giao rác sinh hoạt thực hiện phân loại đạt theo quy định trước khi tiếp nhận.

e) Ghi nhận, báo cáo Ủy ban nhân dân quận, huyện (khi có yêu cầu) các trường hợp tổ chức, cá nhân giao rác, thu gom tại nguồn có tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại không đúng quy định.

3. Trách nhiệm của các đơn vị tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt

a) Đầu tư các tổ hợp công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với thành phần, tính chất loại, nhóm chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn thành phố.

b) Bố trí các khu vực tiếp nhận, xử lý riêng các nhóm chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại; áp dụng công nghệ xử lý như tái chế, đốt, chôn lấp và có thu hồi năng lượng từ chất thải rắn sinh hoạt như đã cam kết với thành phố.

c) Ghi nhận các trường hợp xe vận chuyển chất thải hữu cơ, xe vận chuyển chất

thải còn lại trên địa bàn các quận, huyện còn trộn, lẫn các loại chất thải khác nhóm vượt quá tiêu chí phân loại “đạt” được quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quy định này; tổng hợp, báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường đối với các trường hợp trên. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV

CHI PHÍ TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRIỂN KHAI PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

Điều 13. Nguồn kinh phí

1. Từ ngân sách thành phố và nguồn cân đối ngân sách của quận, huyện.
2. Từ việc kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ thực hiện.

Điều 14. Các nội dung hỗ trợ đối với hộ gia đình, chủ nguồn thải

1. Giai đoạn 2018-2020:

a) Hộ gia đình, chủ nguồn thải được hỗ trợ nhãn dán để dán trên nắp, thân thùng (chứa chất thải hữu cơ và chất thải còn lại). Số lượng cấp phát 04 nhãn dán/lần/hộ gia đình, chủ nguồn thải; tần suất 02 lần/năm. Hỗ trợ nhãn dán trên túi rác cho hộ gia đình thực hiện phân loại và chuyển giao là 06 tháng.

b) Ngoài phương thức hỗ trợ nhãn dán nhận biết dán trên túi, thùng rác nêu tại Điểm a Khoản 1 Điều này, địa phương có thể xem xét hỗ trợ thêm các hình thức khác nhằm tăng hiệu quả phân loại chất thải rắn sinh từ nguồn (xã hội hóa, ngân sách của thành phố phân bổ hàng năm theo Quyết định số 4851/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc từ nguồn ngân sách cân đối của quận, huyện).

2. Sau năm 2020: hộ gia đình, chủ nguồn thải không được hỗ trợ nhãn dán nhận biết như quy định tại Khoản 1 Điều 14 của quy định này.

Điều 15. Chính sách đối với tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại được tính toán, cơ cấu đầy đủ chi phí hoạt động vào giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2. Tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được tiếp nhận

phế liệu từ hộ gia đình, chủ nguồn thải trong quá trình thu gom, vận chuyển.

3. Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Chương V

TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÂN LOẠI CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT TẠI NGUỒN

Điều 16. Trách nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố thành lập, điều chỉnh tên thành viên của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban chỉ đạo triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố.

2. Ban hành nhóm danh mục phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị truyền thông xây dựng Kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cộng đồng hình thành thói quen phân loại, lối sống thân thiện với môi trường, góp phần giảm lượng chất thải rắn phát sinh tại nguồn (sử dụng sản phẩm tái sinh, dễ phân hủy, hạn chế sử dụng túi ni lông khó phân hủy trong sinh hoạt hàng ngày).

4. Hướng dẫn và hỗ trợ quận, huyện xây dựng Kế hoạch, phương án, dự toán triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

5. Rà soát các quy định hiện hành, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị bộ, ngành liên quan điều chỉnh, bổ sung các quy định, chính sách còn thiếu để triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

6. Trình Ủy ban nhân dân thành phố công bố loại phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn áp dụng trên địa bàn thành phố và loại phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại.

7. Chủ trì, phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành chính sách hỗ trợ cho lực lượng thu gom tại nguồn về chuyển đổi phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp theo quy định từ Chương trình hỗ trợ tài chính, cho vay với lãi suất của Quỹ bảo vệ môi trường; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp tham mưu đề xuất các cơ chế, chính sách hỗ trợ có liên quan.

8. Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện điều phối vận chuyển chất thải rắn sau phân loại và tiếp nhận, xử lý tại các khu xử lý tập trung; tổ chức sơ kết, kiểm

tra, đánh giá kết quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn quận, huyện.

9. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ 01 (một) quý/lần về tình hình triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố.

Điều 17. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân quận, huyện

1. Thành lập, điều chỉnh thành viên Ban chỉ đạo cấp quận, huyện.

2. Thực hiện công tác tuyên truyền, tập huấn tại địa phương.

a) Thành lập lực lượng tuyên truyền viên tại địa phương.

b) Tổ chức tuyên truyền, tập huấn cho lực lượng tuyên truyền viên tại địa phương, người dân, hộ gia đình và chủ nguồn thải trên địa bàn quận, huyện.

3. Chủ trì xây dựng kế hoạch, đề án, phương án, dự toán kinh phí triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Chịu trách nhiệm xây dựng, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển riêng của các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải hữu cơ dễ phân hủy, chất thải còn lại phù hợp với thực tế tại địa phương đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

5. Thông báo đến Sở Tài nguyên và Môi trường về lộ trình, phương thức tổ chức thu gom, vận chuyển riêng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại trên địa bàn trước khi tổ chức thực hiện thu gom, vận chuyển đến khu, đơn vị tiếp nhận xử lý tập trung theo quy định.

6. Bố trí khu vực lưu giữ riêng 02 nhóm chất thải sau phân loại (nhóm chất thải hữu cơ dễ phân hủy và nhóm chất thải còn lại) tại các trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phục vụ cho Chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (nếu có).

7. Yêu cầu các đơn vị thu gom, các đơn vị vận chuyển, các đơn vị trúng thầu cung ứng dịch vụ tổ chức thực hiện, cân đối các phương tiện thu gom, vận chuyển hiện hữu hoặc đầu tư thêm phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để đảm bảo thu gom, vận chuyển riêng biệt chất thải sau phân loại đến các khu, đơn vị xử lý tập trung theo lộ trình, điều phối của Sở Tài nguyên và Môi trường.

8. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn triển khai thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều 18 Quy định này.

9. Xem xét giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

10. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch triển khai phân loại chất thải trên địa bàn. Báo cáo định kỳ 01 (một) quý/lần và báo cáo năm vào ngày 15 tháng 12 hàng năm về kết quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

11. Ghi nhận, biểu dương các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chấp hành việc vận động, tham gia phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

Điều 18. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn

1. Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức tuyên truyền, vận động người dân, hộ gia đình, tổ chức, cá nhân đang sinh sống, hoạt động tại địa phương chấp hành việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định. Tuyên truyền, phổ biến quy định, và Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2. Vận động tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt tham gia vào lực lượng tuyên truyền viên nòng cốt để hỗ trợ giám sát, nhắc nhở thường xuyên hộ gia đình, tổ chức, cá nhân chấp hành việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định.

3. Công khai thông tin tên, địa chỉ, số điện thoại của tổ chức, cá nhân thu gom (kể cả công lập) tại các bản tin của Tổ dân phố, Khu phố. Thông báo đến người dân, từng hộ gia đình về thời gian, địa điểm, tần suất và tuyến thu gom rác sinh hoạt của các tổ chức, cá nhân thu gom. Xác định phương thức giao rác thải sinh hoạt từ hộ gia đình đến người thu gom rác sinh hoạt (giờ thu gom, phương án thu gom,...).

4. Kiểm tra, xử lý đối với các trường hợp lực lượng thu gom không bảo đảm: nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển chất thải sau phân loại đến những địa điểm đã quy định. Đối với tổ chức, cá nhân thu gom chất thải rắn sinh hoạt thường xuyên vi phạm, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức lấy ý kiến người dân (thông qua Tổ dân phố, Khu phố) về sử dụng dịch vụ thu gom của các tổ chức, cá nhân này để làm cơ sở thay đổi tổ chức thu gom phù hợp.

5. Chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương, phạm vi quản lý.

6. Xem xét giải quyết theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện gửi Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn quận, huyện.

7. Báo cáo định kỳ 01 (một) quý/lần về tình hình triển khai và kết quả phân loại trên địa bàn gửi Ủy ban nhân dân quận, huyện.

Điều 19. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí kinh phí thường xuyên hàng năm để Sở, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố và triển khai Quyết định này.

2. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, huyện về các hạng mục dự toán, kinh phí để thực hiện.

Điều 20. Sở Thông tin và Truyền thông, cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình thành phố

1. Hàng năm xây dựng Kế hoạch thông tin, tuyên truyền phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn toàn thành phố.

2. Các cơ quan báo chí, đài phát thanh, truyền hình thành phố tăng cường chuyên trang, chuyên mục, tăng thời lượng thông tin các vấn đề liên quan đến công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn để hình thành nhận thức, thói quen phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trong tổ chức, cơ quan, trường học, hộ gia đình, cá nhân, các khu vực công cộng và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, tin bài về công tác bảo vệ môi trường, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố, ít nhất 01 bài/quý.

4. Kịp thời phản ánh, tuyên truyền các mô hình, điển hình, tổ chức, cá nhân, tổ dân phố, khu phố, khu dân cư thực hiện tốt việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; nhân rộng những mô hình triển khai hiệu quả và cách làm hay cho cộng đồng.

Điều 21. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các quận, huyện: lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn vào các hoạt động giáo dục và truyền thông tại các cấp học.

Điều 22. Sở Nội vụ

1. Chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân 24 quận, huyện tổ chức các khóa tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực quản lý chất thải rắn cho cán bộ tham gia quản lý môi trường tại địa phương từ quận, huyện đến phường, xã, thị trấn.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung biên chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp quận, huyện.

Điều 23. Các Sở, ngành có liên quan

Các Sở, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố các nội dung có liên quan đến Chương trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai phân loại trong phạm vi quản lý.

Điều 24. Công an thành phố

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các quận, huyện tăng cường kiểm tra, xử lý đối với chủ nguồn thải không thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và không chuyển giao cho các tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

Điều 25. Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao

1. Chủ trì triển khai công tác phân loại chất thải rắn tại nguồn trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; truyền thông, tuyên truyền về quản lý chất thải chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về chất thải rắn sinh hoạt và kiểm tra các hoạt động liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trong khu quản lý.

2. Hàng năm kiểm tra, đánh giá kết quả phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại các chủ nguồn thải trong khu quản lý; ghi nhận và đề nghị cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với các chủ nguồn thải không thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định

của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trong khu quản lý gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 26. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội khác

a) Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tuyên truyền nâng cao nhận thức về hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, vận động nhân dân làm tốt công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt đúng thành phần, thời gian, nơi quy định.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch tổng vệ sinh môi trường định kỳ, các hoạt động quản lý chất thải rắn sinh hoạt, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn. Trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật về quản lý chất thải rắn sinh hoạt, cần thông báo cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giai đoạn năm 2018 đến năm 2020: căn cứ Quy định ban hành kèm theo Quyết định này, Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo lộ trình quy định tại Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố. Sau năm 2020, việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn được triển khai trên toàn địa bàn thành phố.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức sắp xếp hoàn thiện hệ thống thu gom, vận chuyển riêng chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại phù hợp với lộ trình triển khai theo Quyết định số 1832/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố; đảm bảo hệ thống thu gom, vận chuyển phải được tổ chức, vận hành đồng bộ trong việc thu gom riêng chất thải hữu cơ và chất thải còn lại của các tổ chức, cá nhân có thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

3. Các đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt có trách nhiệm chuyển đổi, cải tạo, bổ sung phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

phân loại đảm bảo thu gom, vận chuyển theo lộ trình, tần suất và thời gian thu gom do địa phương quy định.

4. Tại các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các quận, huyện phục vụ cho triển khai phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn phải bố trí, khu vực riêng để lưu chứa tạm chất thải hữu cơ hoặc chất thải còn lại.

Điều 28. Hiệu lực, trách nhiệm thi hành

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện; phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3897/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch nâng điểm Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 - 2019

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 6667/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch chỉ đạo, điều hành kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách thành phố và chương trình công tác của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 3292/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện PAPI giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Báo cáo thường niên Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) năm 2017 của 63 tỉnh, thành do Chương trình phát triển Liên hợp quốc tại Việt Nam công bố ngày 04 tháng 4 năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2433/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch nâng điểm Chỉ số

hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 - 2019.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện; phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

KẾ HOẠCH

Nâng điểm Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2018 - 2019

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3897/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)*

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Trong năm 2017, thành phố có 05 chỉ số tăng điểm (2, 3, 4, 5, 6), 01 chỉ số bằng điểm (1) so với năm 2016:

- Chỉ số nội dung 1 “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”: 4,70 điểm, xếp thứ 60/63 tỉnh, thành;
- Chỉ số nội dung 2 “Công khai, minh bạch”: tăng từ 5,75 điểm lên 5,93 điểm, xếp thứ 16/63 tỉnh, thành;
- Chỉ số nội dung 3 “Trách nhiệm giải trình với người dân”: tăng từ 4,92 điểm lên 4,15 điểm, xếp thứ 26/63 tỉnh, thành.
- Chỉ số nội dung 4 “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”: tăng từ 5,03 điểm lên 5,46 điểm, xếp thứ 55/63 tỉnh, thành.
- Chỉ số nội dung 5 “Thủ tục hành chính công”: tăng từ 7,00 điểm lên 7,04 điểm, xếp thứ 43/63 tỉnh, thành.
- Chỉ số nội dung 6 “Cung ứng dịch vụ công”, tăng từ 7,51 điểm lên 7,60 điểm, xếp thứ 6/63 tỉnh, thành.

Tổng điểm 6 chỉ số nội dung của thành phố năm 2017 là 35,88 (năm 2016 là 34,91), theo phân nhóm thì thành phố nằm trong nhóm đạt điểm trung bình thấp; theo thứ tự tổng điểm số từ cao đến thấp thì thành phố ở vị trí thứ 39/63 tỉnh, thành (năm 2016 là 44/63 tỉnh, thành).

Đề tập trung thực hiện các nhóm giải pháp, nhiệm vụ nâng điểm PAPI năm 2018 vào nhóm 16 địa phương dẫn đầu cả nước gắn với việc thực hiện Nghị quyết số

54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Hồ Chí Minh, cải cách hành chính, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

II. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Lấy sự hài lòng của công dân, tổ chức và doanh nghiệp làm thước đo cho hiệu quả công việc; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính và dịch vụ công; cán bộ, công chức, viên chức phục vụ tổ chức, cá nhân trên tinh thần “Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

1.2. Tập trung nhiệm vụ nâng cao điểm cả sáu nội dung đánh giá của PAPI, phấn đấu nâng điểm 6 chỉ số năm 2018 cao hơn năm 2015, đưa thành phố vào nhóm 16 địa phương dẫn đầu cả nước;

1.3. Xác định vai trò của người đứng đầu cơ quan nhà nước, trách nhiệm của mỗi cán bộ, công chức, viên chức trong nỗ lực nâng điểm PAPI của thành phố.

2. Yêu cầu

2.1. Việc thực hiện kế hoạch nâng điểm PAPI phải đồng bộ với Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và các Chương trình đột phá theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ X.

2.2. Chính quyền, công sở thực hiện tốt yêu cầu “biết nghe dân nói, biết nói dân hiểu, biết làm dân tin”, “biết xin lỗi và biết cảm ơn”; thấu hiểu và chia sẻ các vướng mắc, bức xúc của nhân dân, của tổ chức và cá nhân.

2.3. Nâng điểm PAPI là nhiệm vụ lâu dài, kiên trì, liên tục của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; đặc biệt là Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đối với nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”

Phấn đấu nâng điểm đạt trên 6,00 điểm so với điểm năm 2017 (tăng 1,73 điểm so với 4,27 điểm), nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn căn cứ kết quả thực hiện 10 năm Pháp

lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn đã được đúc kết, tổ chức hội nghị trong năm 2017, chọn lọc nội dung phổ biến đến các tầng lớp nhân dân những nội dung của Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11, phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn triển khai thực hiện Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thực hiện công tác quản lý, sử dụng lòng lề đường, vỉa hè trên địa bàn thành phố gắn với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về xây dựng phường, xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn triển khai kế hoạch kiện toàn nhân sự khu phố, ấp; trình tự, quy trình bầu Trưởng khu phố, ấp theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phường, xã, thị trấn.

- Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện công khai danh sách thành viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phường, xã, thị trấn; triển khai thực hiện nghiêm túc và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tham gia, nhất là các nội dung như: vận động nhân dân tự nguyện tham gia, đóng góp kinh phí xây mới, sửa chữa công trình công cộng; công khai các khoản đóng góp tự nguyện theo quy định của Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở phường, xã, thị trấn.

- Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn thực hiện Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới.

- Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn phổ biến và mở rộng các kênh giao tiếp thông tin với người dân qua các hình thức ứng dụng trực tuyến, thư điện tử, tổng đài. Có cơ chế giám sát việc giải quyết phản ánh của người dân.

- Thanh tra thành phố tiếp tục hướng dẫn sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện; phường, xã, thị trấn thực hiện Nghị định số 159/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Thanh tra về tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố triển khai đến Ủy ban nhân dân quận - huyện việc thực hiện Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư liên quan đến hoạt động, nhiệm vụ Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tại phường - xã, thị trấn.

- Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện; phường, xã, thị trấn thực hiện tham vấn cộng đồng đối với các vấn đề về môi trường của dự án; đảm bảo các quyền về tiếp cận thông tin, cung cấp thông tin, tham gia giám sát thực thi chính sách - pháp luật và phản biện về bảo vệ môi trường của người dân.

- Sở Tư pháp phối hợp Sở Nội vụ hướng dẫn nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, kỹ năng truyền đạt cho Trưởng khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân; Thanh tra thành phố phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố hướng dẫn nội dung tập huấn, bồi dưỡng đối với thành viên Ban Thanh tra nhân dân về cách thức tiếp nhận kiến nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến phạm vi giám sát của Ban thanh tra nhân dân, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố hướng dẫn nội dung tập huấn, bồi dưỡng đối với thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; nâng cao chất lượng, hoạt động hiệu quả của khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân tại cộng đồng dân cư.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện ở cấp cơ sở; đề xuất xử lý những trường hợp vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Đối với nội dung “Công khai, minh bạch”

Phấn đấu nâng điểm đạt trên 6,50 điểm so với điểm năm 2017 (tăng 0,57 điểm so với 5,93 điểm), nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn công khai, minh bạch danh sách hộ nghèo; cận nghèo, kết quả bình xét, bổ sung hộ nghèo tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn; trụ sở (điểm hoạt động văn hóa) khu phố, ấp, bảng

thông tin tổ dân phố, tổ nhân dân có hộ nghèo. Xử lý nghiêm những cơ quan, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn thực hiện không đúng các quy định về chính sách đối với hộ nghèo theo quy định pháp luật.

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện đúng các quy định về công khai thu chi ngân sách quy định tại Chương V Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện công khai phải cụ thể, chi tiết, hình thức công khai phải phù hợp, thuận tiện để người dân có thể tiếp cận và giám sát, nâng tỷ lệ người dân tiếp cận, biết về công khai thu chi ngân sách của phường, xã, thị trấn, bảo đảm độ tin cậy về tính chính xác của số liệu để người dân thực hiện quyền giám sát về công khai thu chi ngân sách của Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn. Kịp thời ngăn chặn những dấu hiệu tiêu cực, xử lý theo đúng quy định của pháp luật đối với những trường hợp vi phạm các quy định về quản lý tài chính, tài sản công.

- Các dự thảo về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị liên quan đến phường, xã, thị trấn đều phải tổ chức lấy ý kiến góp ý của người dân tại địa phương. Thực hiện công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và khung giá đất hiện thời trên Cổng thông tin điện tử của thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn. Công khai các dự án chậm triển khai và kết quả xử lý.

- Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn triển khai nhiều biện pháp để cải thiện về tỷ lệ người dân biết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị triển khai trên địa bàn phường, xã, thị trấn, tỷ lệ người dân biết, tham dự, đóng góp ý kiến cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị, Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện thông tin việc tiếp thu ý kiến đóng góp cho quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị.

- Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn tiếp tục công khai số liệu giám thủ tục hành chính, lộ trình thời gian hoàn thành, công khai các quy định pháp luật liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công dân.

- Sở Tư pháp phối hợp sở, ban, ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân.

- Cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của thành phố để kịp thời đề xuất thu hồi, bãi bỏ hoặc điều chỉnh, bổ sung, thay thế những quy phạm pháp luật không còn phù hợp, cản trở sự phát triển của thành phố. Thực hiện đầy đủ việc công bố danh mục các văn bản pháp luật hết hiệu lực hàng năm bằng nhiều hình thức.

- Thanh tra thành phố hướng dẫn sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn công khai Kết luận thanh tra theo quy định.

3. Đối với nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân”

Phần đầu đạt trên 6,00 điểm so với điểm năm 2017 (tăng 0,85 điểm so với 5,15 điểm), nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Thủ trưởng sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn thực hiện nghiêm Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc tăng cường thực hiện các quy định về trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ;

- Thực hiện lịch tiếp công dân định kỳ, đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp; tập trung giải quyết kịp thời, đúng quy định pháp luật những khiếu nại, tố cáo, phản ánh; kiến nghị của tổ chức, công dân. Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn tổ chức đối thoại với tổ chức, cá nhân khi có những vấn đề bức xúc trong quá trình triển khai nhiệm vụ theo Điều 125 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, những nội dung khác người dân quan tâm và Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nhận thấy cần tổ chức đối thoại;

- Ủy ban nhân dân quận - huyện chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp định kỳ thông báo kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng phường, xã, thị trấn đến người dân khu phố, ấp; tổ dân phố, tổ nhân dân, cộng đồng dân cư;

- Các dự án đầu tư, công trình do nhân dân đóng góp xây dựng, do nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư, tài trợ cho xã, phường, thị trấn cần phải có sự tham gia giám sát của Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng;

- Sở Nội vụ phối hợp Học viện Cán bộ thành phố, sở, ban, ngành hướng dẫn, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp ứng xử cho cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn góp phần giải quyết hiệu quả, đúng quy định pháp luật các kiến nghị, phản ánh của nhân dân.

4. Đối với nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”

Phần đầu đạt trên 6,50 điểm so với điểm năm 2017 (tăng 1,04 điểm so với 5,46 điểm), nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Phát huy vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội các cấp và nhân dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; có chính sách và cơ chế bảo vệ người dân khi thực hiện việc tố cáo hành vi tham nhũng. Công khai báo cáo kết quả phòng, chống tham nhũng hàng năm của thành phố trên các phương tiện thông tin. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong cơ quan, đơn vị phụ trách.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn rà soát chức năng nhiệm vụ để tổ chức phân công, phân nhiệm cho phù hợp, khoa học, khắc phục tình trạng chồng chéo, bỏ trống hoặc trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan thuộc bộ máy hành chính thành phố.

- Kiểm tra công vụ đột xuất và xử lý nghiêm các hành vi nhận tiền hoặc lợi ích khác ngoài quy định khi giải quyết thủ tục hành chính; ngăn chặn cán bộ, công chức, viên chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi qua các hành vi vòi vĩnh khi làm thủ tục hành chính cho người dân; sử dụng công quỹ vào mục đích cá nhân, nhận tiền hoặc lợi ích khác trong tuyển dụng nhân sự vào khu vực công.

- Thực hiện Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2007, Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng, chống tham nhũng của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn. Chỉ đạo xử lý nhanh các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự phát hiện qua thanh tra.

- Kịp thời xử lý ý kiến người dân trong việc tố giác các hành vi nhũng nhiễu, vòi vĩnh của cán bộ, công chức, viên chức; giải quyết phản ánh của báo chí về các hiện tượng tiêu cực, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức nhằm ngăn ngừa tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thi tuyển, thi nâng ngạch công chức.

Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp, đảm bảo tuyển dụng được những người có năng lực vào làm việc trong các cơ quan nhà nước.

5. Đối với nội dung “Thủ tục hành chính công”

Phần đầu đạt trên 7,50 điểm so với điểm năm 2017 (tăng 0,46 điểm so với 7,04 điểm), nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Đề cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm túc, có chất lượng công tác rà soát các quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý; kiến nghị cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết để giảm thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân. Kịp thời cập nhật, công khai trên Cổng thông tin điện tử của thành phố, tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị.

- Nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính cho người dân; tổ chức, khảo sát đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với chất lượng các dịch vụ được cung cấp, nhất là các dịch vụ: chứng thực, xác nhận, cấp giấy phép xây dựng, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, đăng ký kinh doanh và các dịch vụ công thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn để nâng cao chất lượng phục vụ, nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức về giải quyết thủ tục hành chính.

- Kiểm tra các cơ quan, đơn vị về cải cách thủ tục hành chính, niêm yết công khai phí và lệ phí, đơn giản hóa thủ tục, thông tin đầy đủ về thời hạn trả kết quả, việc thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp giải quyết hồ sơ trễ hạn.

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông. Kiện toàn công chức bộ phận một cửa bảo đảm các yêu cầu: có đủ phẩm chất, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ, có kiến thức tổng hợp, tinh thông nghiệp vụ, am tường pháp luật để trực tiếp xử lý, giải quyết, giải thích các yêu cầu của người dân, tổ chức.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; tăng số lượng và tỷ lệ sử dụng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

6. Đối với nội dung “Cung ứng dịch vụ công”

Phần đầu đạt trên 7,80 điểm so với điểm năm 2017 (tăng 0,20 điểm so với 7,60

điểm), nhiệm vụ và giải pháp cụ thể:

- Tập trung xây dựng chính quyền điện tử; tăng tiện ích, nâng cao chất lượng phục vụ tổ chức, cá nhân; duy trì hiệu quả tương tác giữa chính quyền thành phố với người dân, tổ chức bằng nhiều kênh thông tin.

- Tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế. Thực hiện hiệu quả cải cách hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế.

- Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho người dân của bệnh viện tuyến quận - huyện; bảo đảm cho mọi người dân thành phố đều được chăm sóc sức khỏe ban đầu với chi phí phù hợp với điều kiện của thành phố, góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo niềm tin cho nhân dân. Nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân của đội ngũ y, bác sĩ.

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trường lớp, trang thiết bị dạy học hiện đại. Đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia, trường theo mô hình tiên tiến ở các cấp học, bậc học, chú trọng ưu tiên ngoại thành, các quận ven; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên về năng lực, kỹ năng giảng dạy và phẩm chất đạo đức. Quan tâm các chế độ, chính sách để cải thiện thu nhập giáo viên; xây dựng mối liên hệ, phối hợp giữa gia đình - nhà trường và xã hội, nhất là giữa giáo viên và cha mẹ học sinh trong việc giáo dục toàn diện cho học sinh. Triển khai các biện pháp hạn chế các tiêu cực khi tuyển sinh đầu cấp mầm non, mẫu giáo, tiểu học; không để các biểu hiện tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường sư phạm; hình ảnh, tư cách giáo viên.

- Đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và điện phục vụ sinh hoạt của người dân; nâng cao độ tin cậy cung cấp điện; nâng cao chỉ số tiếp cận điện năng; thực hiện ngầm hóa lưới điện kết hợp ngầm hóa dây thông tin các tuyến đường, hẻm bảo đảm an toàn và mỹ quan đô thị.

- Phân kỳ thực hiện nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường ở các huyện để phục vụ nhu cầu đi lại, sản xuất kinh doanh của nhân dân gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Bảo đảm việc cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn thành phố.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ thu gom rác thải ở khu dân cư, thực hiện phân loại rác tại nguồn đến nơi xử lý rác tập trung đối với các khu vực đủ điều kiện.

- Giữ vững an ninh, trật tự trên địa bàn khu dân cư thông qua triển khai thực hiện nghiêm túc các chương trình, mục tiêu quốc gia về phòng, chống tội phạm, kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự; không để xảy ra các hoạt động côn đồ và các loại tội phạm mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy; phát huy hiệu quả và huy động sức mạnh của nhân dân thực hiện phương châm 4 tại chỗ (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, vật tư và hậu cần tại chỗ) trong công tác phòng cháy, chữa cháy tại cộng đồng dân cư.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động thực hiện các chương trình phối hợp hoạt động giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể trong công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn :

1.1. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao và trên cơ sở các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch này xây dựng kế hoạch, đề ra nội dung thực hiện lồng ghép đảm bảo hiệu quả thực hiện tại đơn vị, địa phương mình; tạo điều kiện để người dân tham gia sâu, rộng vào việc đánh giá kết quả thực hiện. Định kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng và năm, các phường - xã, thị trấn báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân quận - huyện (qua Phòng Nội vụ) để tổng hợp; các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) vào ngày 15 tháng 9, ngày 15 tháng 11 để theo dõi, tổng hợp, báo cáo theo quy định.

1.2. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở cơ sở; thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, những quy định của pháp luật liên quan đến việc cung ứng dịch vụ công trong cán bộ, công chức, viên chức để nâng cao nhận thức, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tham mưu công tác cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước.

3. Sở Nội vụ:

3.1. Chủ trì, phối hợp với Học viện Cán bộ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố mở các lớp tập huấn thực hiện PAPI cho cán bộ, công chức, viên chức thành phố nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện công tác cải cách hành chính và thái độ phục vụ của công chức, viên chức đối với tổ chức, cá nhân.

3.2. Chủ trì phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển thành phố và các cơ quan liên quan:

3.2.1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xúc tiến trao đổi, hợp tác, phối hợp với các cơ quan tham gia chấm điểm PAPI nắm rõ nguyên nhân, hạn chế, yếu kém của thành phố để sớm có biện pháp khắc phục.

3.2.2. Nghiên cứu và tổ chức triển khai giải pháp nâng điểm Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) theo ý kiến của Viện Nghiên cứu Phát triển tại Công văn số 255/VNCPT-NCTH ngày 06 tháng 4 năm 2018.

3.3. Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn.

3.4. Định kỳ phối hợp các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội thành phố tham gia giám sát những nội dung chính quyền thành phố đã cam kết với tổ chức, người dân để các tổ chức chính trị - xã hội cung cấp chính xác, kịp thời, khách quan kết quả thực hiện PAPI, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo kịp thời, khắc phục sớm.

4. Sở Tư pháp tham mưu tuyên truyền pháp luật, hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thực hiện hiệu quả chuẩn tiếp cận pháp luật, hỗ trợ cho các sở, ban, ngành trong việc thực hiện chương trình, kế hoạch nếu có vướng mắc về pháp lý, hướng dẫn cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin theo Luật tiếp cận thông tin.

5. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo đài thành phố tích cực tuyên truyền về: Chủ trương và giải pháp cụ thể của thành phố trong kế hoạch nâng điểm PAPI trên địa bàn thành phố năm 2018 -2019; Thông tin về kết quả triển khai thực hiện để nhân dân biết, giám sát đồng thời nhân rộng các mô hình hay, đạt hiệu quả nhằm góp phần xây dựng thành phố ngày càng văn minh, hiện đại.

6. Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Đài Truyền hình thành phố tăng thời lượng truyền thanh, phát sóng, xây dựng chuyên mục riêng tuyên truyền các nội dung liên quan đến kế hoạch này trong thực tiễn triển khai để các tổ chức, đơn vị và mọi tầng lớp nhân dân tiếp cận thông tin hữu ích một cách nhanh chóng và

hiệu quả.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng; giám sát trách nhiệm giải trình của chính quyền cơ sở đối với người dân, có kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của tổ chức, nhân dân về thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nâng điểm PAPI của thành phố.

8. Các cơ quan, đơn vị căn cứ kế hoạch nhiệm vụ được giao hàng năm, lập dự toán kinh phí thực hiện và tổng hợp chung vào dự toán chi ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường, xã, thị trấn tập trung thực hiện hiệu quả Kế hoạch này. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ tổng hợp) để kịp thời giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 4002/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 9 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính
xã Lý Nhơn, xã Tam Thôn Hiệp - huyện Cần Giờ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 47/2012/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân loại đơn vị hành chính phường, xã, thị trấn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh năm 2012;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ tại Tờ trình số 1213/TTr-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính xã Lý Nhơn, xã Tam Thôn Hiệp - huyện Cần Giờ và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3039/TTr-SNV ngày 14 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phân loại đơn vị hành chính xã Lý Nhơn, xã Tam Thôn Hiệp - huyện Cần Giờ từ loại II lên loại I.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lý Nhơn, xã Tam Thôn Hiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4321/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5181/TTr-SGTVT ngày 13 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch này để xây dựng các chương trình, kế hoạch cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Minh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyến

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND
ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành
Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch,
mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4321/QĐ-UBND
ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Nhằm triển khai thực hiện Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU:

1. Triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Cụ thể hóa trách nhiệm của từng sở, ngành, đơn vị liên quan; tạo sự thống nhất trong công tác phối hợp thực hiện Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN:

1. Xây dựng nhiệm vụ cụ thể, thời gian thực hiện và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng.

3. Phân công công tác tổng hợp, báo cáo và xử lý các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Tổ chức quản lý và công bố danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy và thoát nước thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải. Thời gian hoàn thành trong Quý I năm 2019.

b) Thỏa thuận vị trí và quy mô xây dựng kè trên các tuyến giao thông thủy, các tuyến quy hoạch thoát nước đô thị trên địa bàn thành phố theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật.

c) Công bố mép bờ cao quy hoạch các tuyến có chức năng thoát nước: Phối hợp chặt chẽ với Sở Xây dựng, Trung tâm Điều hành chương trình Chống ngập nước thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - tổng dự toán các dự án Xây dựng mép bờ cao các tuyến sông, suối, kênh, rạch, mương có chức năng thoát nước thuộc địa bàn thành phố theo đúng thẩm quyền và quy định pháp luật. Hoàn thành việc phê duyệt và công bố trong năm 2020.

d) Tổ chức nghiên cứu, dự báo tình hình sạt lở bờ sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố. Cụ thể, năm 2018 hoàn thiện việc xây dựng đề cương - dự toán và lựa chọn đơn vị nghiên cứu; triển khai nghiên cứu và hoàn thành bản đồ dự báo các vị trí sạt lở vào năm 2020.

Định kỳ hàng năm, Sở Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng Chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, chính quyền địa phương tổ chức khảo sát, công bố các vị trí sạt lở vào tháng 7.

Tổ chức thực hiện đầu tư các công trình kè bảo vệ bờ sông tại các khu vực có nguy cơ sạt lở cao.

đ) Tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra và hỗ trợ Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện trong công tác phát hiện, xử lý đối với những trường hợp vi phạm, lấn chiếm trái phép hệ thống sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng trên địa bàn thành phố. Chỉ đạo lực lượng Thanh tra chuyên ngành phối hợp chặt chẽ với Thanh tra xây dựng các cấp kiên quyết xử phạt các trường hợp vi phạm xây dựng các công trình trong hành lang bảo vệ trên bờ theo thẩm quyền quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân 24 quận -

huyện đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ theo từng đoạn, tuyến sông, kênh, rạch phù hợp với điều kiện thực tế, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

g) Chủ trì, phối hợp với các sở - ngành liên quan xây dựng cơ chế về việc cho các tổ chức, cá nhân thuê đất trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ để xây dựng các công trình phục vụ hoạt động dịch vụ có thời hạn để tạo nguồn thu cho ngân sách thành phố, trình Ủy ban nhân dân thành phố trong quý I năm 2019.

h) Định kỳ 06 tháng tổng hợp tình hình lấn chiếm, san lấp sông, suối, kênh, rạch, nương và hồ công cộng trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ; báo cáo, đề xuất hướng xử lý, trình Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố:

a) Xác định mép bờ cao quy hoạch các tuyến kênh, rạch có chức năng thoát nước trên địa bàn thành phố. Hoàn thành vào Quý III năm 2019.

b) Tổ chức cắm mốc và bàn giao các mốc xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ các tuyến kênh, rạch này cho các quận - huyện quản lý. Hoàn thành trong năm 2020.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tổ chức quản lý và công bố danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch và hồ công cộng thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trừ các tuyến sông, kênh, rạch do Sở Giao thông vận tải quản lý). Thời gian hoàn thành trong Quý I năm 2019.

b) Thỏa thuận về vị trí và quy mô xây dựng công trình kè và các công trình khác trên các tuyến sông, kênh, rạch, nương và hồ công cộng có chức năng tưới tiêu nội đồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối.

c) Xác định phạm vi, công bố an toàn hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều thuộc phạm vi quản lý trong Quý I năm 2019. Thỏa thuận về vị trí và quy mô xây dựng kè trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu nội đồng, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối.

d) Chủ trì xác định phạm vi, công bố và tiến hành cắm mốc hành lang chi giới an toàn công trình thủy lợi và đề điều trên các sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất

muối trên địa bàn thành phố. Thời gian hoàn thành trong năm 2020.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Trên cơ sở mép bờ cao đã được Sở Giao thông vận tải công bố, tổ chức xác định mốc trên bản đồ địa chính, cắm mốc tại thực địa để xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ các tuyến có chức năng giao thông thủy và bàn giao cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện quản lý. Hoàn thành trong năm 2020.

b) Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở mép bờ cao được Sở Giao thông vận tải công bố, hành lang bảo vệ trên bờ và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Sở Quy hoạch - Kiến trúc:

Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ theo từng đoạn, tuyến phù hợp với điều kiện thực tế, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

6. Sở Xây dựng:

a) Hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa đối với các công trình, nhà ở trong phạm vi hành lang bảo vệ bờ theo quy định.

b) Cấp phép xây dựng đối với công trình xây dựng kè theo tuyến trong đô thị, theo vị trí và quy mô được Sở Giao thông vận tải thỏa thuận.

c) Cấp phép xây dựng các công trình trên hành lang bảo vệ trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng theo nội dung tại Khoản 3, Điều 5, Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND.

d) Tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm sông, suối, kênh, rạch, hồ công cộng; xây dựng nhà ở, công trình sai phép, không phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ theo thẩm quyền quy định. Định kỳ sáu tháng tổng hợp tình hình xử lý các hành vi lấn chiếm, san lấp sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ trên địa bàn thành phố, gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

đ) Đối với các dự án phát triển nhà ở (nằm trong hành lang bảo vệ trên bờ) đã có

Đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỉ lệ 1/500 được phê duyệt trước ngày 24 tháng 6 năm 2004: Đối với các trường hợp công trình đầu tư xây dựng không đúng giấy phép xây dựng hoặc không đúng quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vi phạm hành lang bảo vệ trên bờ; Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân quận - huyện rà soát, thống kê, báo cáo rõ thực trạng các dự án, công trình, đề xuất biện pháp xử lý, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

7. Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện:

a) Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ trên bờ theo Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức quản lý hành lang trên bờ và bảo vệ các mốc chỉ giới xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc phạm vi quản lý.

b) Tổ chức tuyên truyền để người dân được biết các quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ thuộc địa bàn thành phố và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với sông, suối, kênh, rạch, mương, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

c) Thoả thuận vị trí và quy mô, kiểm tra việc xây dựng kè tạm phù hợp với mép bờ cao được Sở Giao thông vận tải công bố thuộc địa bàn từng quận - huyện để khắc phục kịp thời tình trạng sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

d) Cấp phép xây dựng các công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng theo nội dung tại Khoản 3, Điều 5 và Khoản 1 và Khoản 2, Điều 11 Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND.

đ) Thoả thuận vị trí và quy mô công trình xây dựng kè và các công trình khác đối với các tuyến mương, rạch thoát nước, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp không thuộc danh mục các tuyến sông, kênh, rạch được Ủy ban nhân dân thành phố công bố và không thuộc quy hoạch chi tiết về thoát nước được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

e) Lập kế hoạch và tổ chức di dời khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao, tránh thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố.

g) Tổ chức lực lượng kiểm tra, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền đối với các

hành vi lấn chiếm, san lấp sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc địa bàn quản lý. Định kỳ 6 tháng tổng hợp tình hình xử lý các hành vi lấn chiếm, san lấp sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc địa bàn quản lý, gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

8. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, các Sở, ban, ngành, địa phương chủ động phối hợp với Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Vĩnh Tuyên

PHỤ LỤC

**Kế hoạch triển khai Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ sông, suối, kênh, rạch,
mương và hồ công cộng thuộc địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4321/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1.	Sở Giao thông vận tải			
1.1	Tổ chức quản lý và công bố danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch có chức năng giao thông thủy và thoát nước thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải.	Sở Giao thông vận tải	Sở Thông tin và Truyền thông	Quý I/2019
1.2	Thỏa thuận vị trí và quy mô xây dựng kè trên các tuyến giao thông thủy, các tuyến quy hoạch thoát nước.	Sở Giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân quận - huyện	Thực hiện thường xuyên
1.3	Công bố mép bờ cao quy hoạch các tuyến sông, suối, kênh, rạch, mương có chức năng thoát nước.	Sở Giao thông vận tải	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố	Năm 2020

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1.4	Lập kế hoạch nghiên cứu, dự báo sạt lở bờ sông, kênh, rạch.	Sở Giao thông vận tải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Năm 2020
1.5	Tổ chức lực lượng thường xuyên kiểm tra và hỗ trợ Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác phát hiện, xử lý đối với những trường hợp vi phạm, lấn chiếm trái phép hệ thống sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng.			Thực hiện thường xuyên
1.6	Đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ.	Sở Giao thông vận tải	Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Thực hiện thường xuyên
1.7	Xây dựng cơ chế về việc cho các tổ chức, cá nhân thuê đất trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ để xây dựng các công trình phục vụ hoạt động dịch vụ có thời hạn để tạo nguồn thu cho ngân sách Thành phố.	Sở Giao thông vận tải	Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Quy hoạch - Kiến trúc; Sở Tài chính; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Quý I/2019
1.8	Tổng hợp tình hình lấn chiếm, san lấp sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ định kỳ sáu tháng báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.	Sở Giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân 24 quận – huyện	Thực hiện hàng năm

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
2.	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước Thành phố			
2.1	Xác định mép bờ cao quy hoạch các tuyến kênh, rạch có chức năng thoát nước trên địa bàn thành phố.	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố	Sở Giao thông vận tải	Quý III/2019
2.2	Tổ chức cắm mốc và bàn giao các mốc xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ các tuyến kênh, rạch có chức năng thoát nước cho các quận - huyện quản lý.	Trung tâm Điều hành chương trình chống ngập nước thành phố	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện;	Năm 2020
3.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
3.1	Tổ chức quản lý và công bố danh mục các tuyến sông, suối, kênh, rạch và hồ công cộng thuộc phạm vi quản lý trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trừ các tuyến sông, kênh, rạch do Sở Giao thông vận tải quản lý).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân 24 quận -huyện	Quý I/2019
3.2	Thỏa thuận về vị trí và quy mô xây dựng công trình kè và các công trình khác trên các tuyến sông, kênh, rạch, mương và hồ công cộng có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân 24 quận -huyện	Thực hiện thường xuyên
3.3	Xác định phạm vi, công bố an toàn hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều thuộc phạm vi quản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Quý I/2019

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	lý; thỏa thuận về vị trí và quy mô xây dựng kè trên các tuyến sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối.			
3.4	Xác định phạm vi, công bố và tiến hành cắm mốc hành lang chỉ giới an toàn công trình thủy lợi và đề điều trên các sông, kênh, rạch có chức năng tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển rừng và sản xuất muối.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		Năm 2020
4.	Sở Tài nguyên và Môi trường			
4.1	Tổ chức xác định mốc trên bản đồ địa chính, cắm mốc tại thực địa để xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ các tuyến có chức năng giao thông thủy và bàn giao cho Ủy ban nhân dân quận - huyện quản lý.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Năm 2020
4.2	Giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Thực hiện thường xuyên
5.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc			
5.1	Đề xuất phương án điều chỉnh phạm vi chiều rộng hành lang bảo vệ trên bờ theo từng đoạn, tuyến phù hợp với điều kiện thực tế trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Thực hiện thường xuyên

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
6.	Sở Xây dựng			
6.1	Hướng dẫn cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa đối với các công trình, nhà ở trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ	Sở Xây dựng	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Thực hiện thường xuyên
6.2	Cấp phép xây dựng đối với công trình xây dựng kè theo tuyến trong đô thị.	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Thực hiện thường xuyên
6.3	Cấp phép xây dựng các công trình trên hành lang bảo vệ trên bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng.	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Thực hiện thường xuyên
6.4	Tổ chức kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các trường hợp san lấp, lấn chiếm sông, suối, kênh, rạch, hồ công cộng; xây dựng nhà ở, công trình sai phép, không phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ theo thẩm quyền quy định. Định kỳ sáu tháng tổng hợp gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.	Sở Giao thông vận tải	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện.	Định kỳ hàng năm
6.5	Đối với các dự án phát triển nhà ở (nằm trong hành lang bảo vệ trên bờ) đã có Đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỉ lệ 1/500 được phê duyệt trước ngày 24 tháng 6 năm 2004: Đối với các trường hợp công trình đầu tư xây dựng không đúng giấy phép xây dựng hoặc không đúng quy hoạch chi tiết tỷ lệ	Sở Xây dựng	Sở Giao thông vận tải; Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Thực hiện thường xuyên

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt, vi phạm hành lang bảo vệ trên bờ.			
7.	Ủy ban nhân dân quận - huyện			
7.1	Tổ chức quản lý hành lang bảo vệ trên bờ. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn tổ chức quản lý hành lang trên bờ và bảo vệ các mốc chỉ giới xác định phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc phạm vi quản lý.	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn	Thực hiện thường xuyên
7.2	Xác định các tuyến sông, kênh, rạch, mương thoát nước hiện hữu không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND.	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện	Ủy ban nhân dân phường - xã	Thực hiện thường xuyên
7.3	Tổ chức tuyên truyền để người dân được biết các quy định về quản lý, sử dụng hành lang trên bờ thuộc địa bàn Thành phố và tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với sông, suối, kênh, rạch, mương, hồ công cộng và trật tự an toàn giao thông đường thủy nội địa	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện		Thực hiện thường xuyên
7.4	Thoả thuận vị trí và quy mô, kiểm tra việc xây dựng kè tạm.	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện		Thực hiện thường xuyên
7.5	Cấp phép xây dựng các công trình trên hành lang bảo vệ bờ sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng.	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện		Thực hiện thường xuyên
7.6	Thoả thuận vị trí và quy mô công trình xây dựng kè và các công trình khác đối với các tuyến	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện		Thực hiện thường xuyên

ST T	Nội dung công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
	mương, rạch thoát nước, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp không thuộc danh mục các tuyến sông, kênh, rạch.			
7.7	Lập kế hoạch và tổ chức di dời khẩn cấp ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao, tránh thiệt hại về người và tài sản khi xảy ra sự cố.	Ủy ban nhân dân 24 quận - huyện		Thực hiện thường xuyên
7.8	Tổ chức lực lượng kiểm tra, phát hiện, xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi lấn chiếm, san lấp sông, suối, kênh, rạch, mương và hồ công cộng trái phép; xây dựng công trình trái phép trong phạm vi hành lang bảo vệ trên bờ thuộc địa bàn quản lý. Định kỳ 6 tháng tổng hợp gửi Sở Giao thông vận tải tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.			Thực hiện thường xuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4749/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy trình tổ chức thực hiện duy tu nạo vét
tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến hết năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Bộ Luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 48/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về quy định một số cơ chế, chính sách tài chính - ngân sách đặc thù đối với thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải do Bộ Giao thông vận tải quản lý, sử dụng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước và cơ chế tài chính trong lĩnh vực cung ứng dịch vụ công ích bảo đảm an toàn hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT/TT-BTC ngày 18 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BXD ngày 16 tháng 3 năm 2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định chi phí bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 52/2017/TT-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo trì công trình hàng hải;

Căn cứ Thông tư số 44/2018/TT-BGTVT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật công tác nạo vét công trình hàng hải;

Căn cứ Quyết định số 28/2008/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 24-CTr/TU ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Thành ủy thành phố thực hiện Nghị Quyết số 09-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố;

Căn cứ Công văn số 221/TTg-CN ngày 14 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng

Chính phủ về cơ chế nạo vét, duy tu các tuyến luồng hàng hải và vùng nước cảng biển;

Căn cứ Công văn số 9634/VPCP-KTTH ngày 09 tháng 11 năm 2016 và Công văn số 8436/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về phí bảo đảm hàng hải luồng Soài Rạp;

Căn cứ Công văn số 9740/BTC-TCDN ngày 21 tháng 7 năm 2017 và Công văn số 12426/BTC-TCDN ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thí điểm việc quản lý, sử dụng nguồn thu phí đảm bảo hàng hải trên tuyến luồng Soài Rạp;

Căn cứ Công văn số 5535/BTC-TCDN ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính về tham gia ý kiến với dự thảo quy trình tổ chức thực hiện duy tu Nạo vét luồng Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến năm 2020;

Căn cứ Công văn số 11775/BGTVT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải về hướng dẫn việc thí điểm thu, sử dụng phí bảo đảm hàng hải luồng Soài Rạp;

Căn cứ Công văn số 933/BGTVT-KCHT ngày 25 tháng 01 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về ủy quyền cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tổ chức thực hiện nạo vét, duy tu tuyến luồng Soài Rạp;

Căn cứ Công văn số 1655/BGTVT-TC ngày 12 tháng 02 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về lập hồ sơ phân bổ dự toán thu, chi phí bảo đảm hàng hải luồng Soài Rạp năm 2018;

Căn cứ Công văn số 5184/BGTVT-KCHT ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải về góp ý dự thảo Quy trình tổ chức thực hiện duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến năm 2020;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 5011/TTr-SGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2018 về trình ban hành Quy trình tổ chức thực hiện duy tu Nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến hết năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình tổ chức thực hiện duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến hết năm 2020.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật (Luật, Nghị định và các Thông tư) được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp sở-ngành và các đơn vị liên quan báo cáo; tham mưu, trình đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, giải quyết theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Ban Quản lý dự án Nạo vét luồng Soài Rạp (giai đoạn 2), thủ trưởng sở-ngành và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

Tổ chức thực hiện duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến hết năm 2020

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4749/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Về phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

1.1 Quy định này quy định về trình tự thực hiện duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp thí điểm từ năm 2018 đến 2020.

1.2 Về phạm vi nạo vét và thí điểm thu, sử dụng phí bảo đảm hàng hải: Từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến thượng lưu Bến cảng Tân cảng Hiệp Phước với chiều dài 59,5 km bao gồm 02 đoạn:

- Đoạn 1: Đoạn luồng Soài Rạp, từ phao báo hiệu hàng hải số “0” đến thượng lưu Bến cảng Container Trung tâm Sài Gòn (SPCT) với chiều dài đoạn luồng $L = 57,6$ km;

- Đoạn 2: Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Container Trung tâm Sài Gòn (SPCT) đến thượng lưu Bến cảng Tân Cảng Hiệp Phước với chiều dài đoạn luồng $L = 1,9$ km.

- Thông số kỹ thuật cơ bản của các đoạn luồng nêu trên để nạo vét, duy tu thực hiện theo thông số quy định tại Quyết định số 1027/QĐ-CHHVN ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Cục Hàng hải Việt Nam về điều chỉnh Quyết định số 1106/QĐ-CHHVN ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Cục Hàng hải Việt Nam về công bố luồng Soài Rạp.

1.3 Chức năng của luồng hàng hải Soài Rạp: Đảm bảo cho tàu có tải trọng 30.000 DWT đầy tải và tàu 50.000DWT giảm tải hành hải trên luồng Soài Rạp.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, nạo vét, duy tu tuyến luồng hàng hải Soài Rạp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ban Quản lý đầu tư dự án Nạo vét luồng Soài Rạp (giai đoạn 2) (*viết tắt là “Ban Soài Rạp”*), là đơn vị trực thuộc Sở Giao thông vận tải được Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ là Chủ đầu tư thực hiện công tác duy tu nạo vét đảm bảo chuẩn tắc luồng hàng hải Soài Rạp.

2. Đảm bảo chuẩn tắc luồng hàng hải Soài Rạp là đảm bảo chuẩn tắc luồng theo quy mô được nêu tại Điều 1 Quy định này trong suốt quá trình vận hành khai thác luồng.

3. Thiết bị AIS (Automatic Identification System) là hệ thống nhận dạng tự động hoạt động trên băng tần VHF hàng hải dùng để nhận biết thông tin giữa phương tiện thủy có trang bị AIS và các đối tượng bên ngoài trong phạm vi phủ sóng VHF. AIS cho phép các phương tiện thủy chủ động chia sẻ các thông tin của mình với các phương tiện, Đài Thông tin duyên hải hoạt động trong khu vực lân cận, các trạm VTS và cơ quan quản lý hàng hải.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN

Điều 3. Về trình tự thủ tục lập dự toán, giao dự toán, quyết toán cho công tác duy tu nạo vét luồng Soài Rạp

1. Về lập dự toán thu, chi:

1.1. Về dự toán chi.

Hàng năm vào thời điểm lập dự toán năm kế hoạch theo quy định, Ban Soài Rạp

căn cứ hiện trạng sa bồi thực tế của luồng Soài Rạp, xác định khối lượng nạo vét, định mức, đơn giá theo quy định để lập dự toán chi cho công tác duy tu nạo vét luồng Soài Rạp.

1.2. Về dự toán thu.

- Đối với nguồn thu phí bảo đảm hàng hải: Ban Soài Rạp căn cứ vào dự toán thu năm kế hoạch của Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho để lập dự toán nguồn thu cho công tác duy tu nạo vét luồng Soài Rạp (sau khi đã trừ tỷ lệ % chi phí phục vụ công tác thu của 2 Cảng vụ nêu trên).

- Đối với dự toán chi ngân sách của thành phố: Trên cơ sở dự toán chi và dự toán thu phí bảo đảm hàng hải để xác định phân dự toán chi ngân sách của Thành phố:

+ Nếu dự toán thu phí bảo đảm hàng hải thấp hơn dự toán chi công tác duy tu nạo vét: Ngân sách thành phố cấp phần chênh lệch giữa dự toán thu và dự toán chi.

+ Nếu dự toán thu phí bảo đảm hàng hải cao hơn dự toán chi công tác duy tu nạo vét: Phần chênh lệch kinh phí giữa dự toán thu và dự toán chi sẽ do Bộ Giao thông vận tải và Bộ Tài chính quyết định.

- Ban Soài Rạp lập dự toán thu, chi Nạo vét luồng Soài Rạp trình Sở Giao thông vận tải phê duyệt gửi Sở Tài chính tổng hợp; tham mưu, trình đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổng hợp trong dự toán chi ngân sách Nhà nước hàng năm của Bộ Giao thông vận tải, gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước. Đồng thời, tổng hợp vào dự toán ngân sách Thành phố đối với phần kinh phí duy tu nạo vét do ngân sách Thành phố cấp, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố theo đúng quy định hiện hành.

2. Về giao và thực hiện dự toán:

- Đối với nguồn thu phí bảo đảm hàng hải: Căn cứ Quyết định giao dự toán thu, chi của Bộ Giao thông vận tải, Ban Soài Rạp theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, ký kết hợp đồng với Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho về ủy nhiệm thu hộ phí bảo đảm hàng hải luồng Soài Rạp. Định

kỳ hàng tháng chậm nhất ngày 15, Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho thực hiện kê khai và nộp số thu về tài khoản của Ban Soài Rạp sau khi để lại tỷ lệ % trên tổng số phí thu được để chi cho hoạt động thu phí theo quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính.

- Đối với dự toán chi ngân sách thành phố: Căn cứ quyết định giao dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Giao thông vận tải giao dự toán chi ngân sách cho Ban Soài Rạp.

Trên cơ sở dự toán thu chi được giao, Ban Soài Rạp triển khai các trình tự, thủ tục theo quy định hiện hành để thực hiện công tác tác duy tu, nạo vét luồng Soài Rạp.

3. Về kiểm tra, quyết toán nhiệm vụ duy tu, nạo vét luồng Soài Rạp:

- Kết thúc năm ngân sách chậm nhất ngày 20 tháng 01 của năm sau, Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Mỹ Tho gửi báo cáo quyết toán số thu nộp phí bảo đảm hàng hải của luồng hàng hải Soài Rạp cho Ban Soài Rạp.

- Căn cứ số thu phí đảm bảo hàng hải và số chi duy tu, nạo vét luồng Soài Rạp, Ban Soài Rạp lập báo cáo quyết toán thu, chi gửi Sở Giao thông vận tải chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm sau để xét duyệt quyết toán trước ngày 30 tháng 4 năm sau và tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, quyết toán theo quy định.

- Trên cơ sở thẩm định quyết toán, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo quyết toán gửi Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tài chính và Hội đồng nhân dân thành phố (trường hợp ngân sách thành phố bố trí bổ sung); Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố việc thực hiện ghi thu ngân sách Trung ương, ghi chi cho Bộ Giao thông vận tải đối với nguồn thu phí bảo đảm hàng hải của luồng hàng hải Soài Rạp đã được giao; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải còn dư.

Điều 4. Về trình tự, thủ tục thực hiện duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp

1. Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Căn cứ bình đồ khảo sát thông báo hàng hải mới nhất của tuyến luồng hàng hải Soài Rạp, Ban Soài Rạp tổ chức lập và thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Nếu lựa chọn vị trí đồ vật liệu nằm ngoài biển thì phải xin giấy phép nhậm chìm, giao khu vực biển theo quy định.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt dự án theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân thành phố giao tại Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 về ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Ban Soài Rạp lập kế hoạch đấu thầu trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt theo quy định.

3. Thực hiện lựa chọn nhà thầu:

- Ban Soài Rạp chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

4. Lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng:

- Ban Soài Rạp tổ chức lập và thẩm tra Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng trình Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt.

- Ban Soài Rạp tổ chức lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải trong quá trình thi công nạo vét duy tu tuyến luồng hàng hải Soài Rạp trình Cảng vụ Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt.

5. Bàn giao mặt bằng thi công:

- Ban Soài Rạp chủ trì tổ chức thực hiện khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng.

- Ban Soài Rạp phối hợp với tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế tiến hành kiểm tra, giám sát quá trình khảo sát đo đạc mặt bằng của nhà thầu tư vấn khảo sát và nghiệm thu kết quả khảo sát bàn giao mặt bằng cho nhà thầu thi công.

- Trường hợp kết quả khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng phát sinh khối lượng nạo vét so với hồ sơ thiết kế đã phê duyệt thì trong 10 ngày làm việc, Ban Soài Rạp phối hợp với tư vấn thiết kế lập hồ sơ dự toán điều chỉnh báo cáo Sở Giao thông vận tải để phê duyệt; trường hợp vượt dự toán kinh phí nạo vét đã được giao thì trong 05

(năm) ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

6. Triển khai thi công công trình:

- Ban Soài Rạp chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát toàn bộ quá trình thực hiện thi công của nhà thầu; giám sát chặt chẽ hoạt động của tư vấn giám sát và tư vấn môi trường trong quá trình thi công.

- Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất (nếu cần) để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình.

7. Nghiệm thu công trình và nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công ích:

- Ban Soài Rạp lựa chọn đơn vị khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình tại hiện trường; tổ chức nghiệm thu công trình hoàn thành để đưa vào sử dụng; nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công ích theo đúng quy định.

- Ban Soài Rạp phối hợp với đơn vị tư vấn giám sát kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện khảo sát đo đạc nghiệm thu công trình tại hiện trường và tổ chức nghiệm thu kết quả khảo sát đo đạc; nghiệm thu công tác bảo vệ môi trường.

8. Công tác thanh quyết toán:

- Về tạm ứng, thanh toán:

+ Đối với nguồn thu phí bảo đảm hàng hải: Căn cứ vào dự toán được giao, hồ sơ chứng từ theo chế độ quy định, Ban Soài Rạp làm thủ tục chi từ tài khoản kinh phí ủy quyền để tạm ứng, thanh toán theo hợp đồng đã ký và các quy định hiện hành.

+ Đối với nguồn vốn ngân sách thành phố bổ sung (trong trường hợp nguồn thu phí bảo đảm hàng hải không đủ): thực hiện theo các quy định hiện hành.

- Công tác quyết toán: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của quy trình này.

Chương III

QUY ĐỊNH NỘI DUNG GIÁM SÁT TRONG QUÁ TRÌNH NẠO VẾT DUY TU LUỒNG SOÀI RÁP

Điều 5. Về công tác giám sát trong duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp

1. Giám sát công tác khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công bao gồm kiểm tra thực hiện quy trình khảo sát, kiểm tra phương tiện thiết bị phục vụ công tác khảo sát trong suốt thời gian thực hiện công tác khảo sát.

2. Giám sát công tác duy tu nạo vét:

2.1 Xem xét, kiểm tra trình tự và biện pháp thi công chi tiết do nhà thầu thi công công trình.

2.2 Kiểm tra hệ thống mốc phục vụ trong suốt quá trình thi công công trình.

2.3 Kiểm tra, giám sát các máy móc, thiết bị thi công tập kết tới công trường theo danh mục, quy cách, chủng loại, tính năng kỹ thuật, thời hạn đăng kiểm, chứng chỉ của thuyền viên, bảo hiểm của phương tiện và các yêu cầu cần thiết khác nhằm đảm bảo an toàn trong quá trình thi công.

2.4 Kiểm tra việc lắp đặt và chất lượng của hệ thống giám sát nạo vét. Các thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, niêm phong cố định khi lắp đặt, đảm bảo hiển thị các dữ liệu tên (số hiệu) phương tiện, kích thước, vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ để thuận lợi cho công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát.

2.5 Theo dõi tiến độ nạo vét.

2.6 Kiểm tra điều kiện khởi công công trình; nhân sự của nhà thầu thi công đưa vào, ra công trường.

2.7 Giám sát công tác an toàn và công tác môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

2.8 Giám sát thi công nạo vét đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật (đúng độ sâu, mái dốc thiết kế, có kê đến các sai số cho phép theo quy định).

2.9 Giám sát công tác đo đạc kiểm tra sau khi hoàn thành công tác nạo vét, bảo đảm hệ thống mốc định vị mặt bằng và cao độ sử dụng để đo đạc trước và sau khi nạo vét là không thay đổi.

2.10 Kiểm tra, xác nhận khối lượng.

3. Giám sát công tác vận chuyển và đổ bùn đất nạo vét:

3.1 Giám sát phương tiện vận chuyển đồ bùn đất nạo vét tại vị trí nạo vét, hành trình đi đồ bùn đất và vị trí đồ bùn đất nạo vét được phê duyệt trong suốt thời gian thi công công trình.

3.2 Thu thập, tổng hợp các thông tin, dữ liệu hiện trường (vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ) từ hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công. Chụp ảnh khoang chứa bùn đất của phương tiện vận chuyển tại các thời điểm: bắt đầu nhận bùn đất nạo vét tại khu vực thi công; kết thúc quá trình nhận bùn đất nạo vét để di chuyển đi đổ; kết thúc hành trình di chuyển đến vị trí đổ và kết thúc quá trình đồ bùn đất để di chuyển về khu vực thi công.

4. Giám sát công tác hoàn thiện:

4.1 Kiểm tra tọa độ, cao độ và mái dốc của khu vực nạo vét theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế.

4.2 Giám sát công tác khảo sát đo đạc và xác nhận khối lượng công việc hoàn thành của nhà thầu; giám sát công tác đo đạc và xác nhận khối lượng công việc tại vị trí đồ đất đối với trường hợp đồ đất tại vị trí trên cạn bằng phương pháp hút phun sử dụng đường ống.

4.3 Giám sát nghiệm thu công việc toàn bộ hạng mục công trình. Việc đo đạc nghiệm thu sẽ được thực hiện sau khi nhà thầu thi công thông báo đã hoàn thành công tác nạo vét. Nếu kết quả đo đạc nghiệm thu cho thấy công việc của nhà thầu chưa đạt yêu cầu thì nhà thầu thi công phải thực hiện bổ sung cho đến khi kiểm tra đạt yêu cầu.

4.4 Giám sát các công tác hoàn thiện khác.

Điều 6. Về trách nhiệm trong công tác giám sát duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp

1. Ban Soài Rạp có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác giám sát theo quy định của Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quá trình tổ chức thực hiện công tác giám sát, Ban Soài Rạp phải phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải, các Cảng vụ Hàng hải khu vực báo cáo kịp thời những vấn đề kỹ thuật phát sinh để giải quyết theo quy định.

Điều 7. Về lắp đặt hệ thống giám sát công tác duy tu nạo vét trên phương

tiện vận chuyển đồ bùn đất nạo vét

1. Phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn đất trong thi công duy tu nạo vét luồng hàng hải phải lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét.

2. Kết cấu hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện vận chuyển đồ bùn đất nạo vét, bao gồm:

2.1 Thiết bị AIS (Automatic Identification System - Hệ thống nhận dạng tự động) để tự động cung cấp các thông tin về hành trình di chuyển của phương tiện nạo vét (vị trí, vận tốc, tên phương tiện), hỗ trợ tránh va, đảm bảo an toàn hàng hải trong khu vực nạo vét.

2.2 Thiết bị ghi hình (Camera) cung cấp các hình ảnh khoang chứa bùn đất nạo vét khi bắt đầu di chuyển đi đồ bùn đất và trước khi đồ bùn đất tại vị trí quy định.

3. Yêu cầu thông số kỹ thuật tối thiểu và điều kiện làm việc của hệ thống giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện vận chuyển đồ bùn đất nạo vét.

3.1 Thiết bị AIS phải đảm bảo tiêu chuẩn IEC 61162-1 và IEC 60945 do Ủy ban Kỹ thuật điện quốc tế (IEC) công bố; đảm bảo hoạt động, truyền tải thường xuyên về hành trình di chuyển của phương tiện nạo vét về trung tâm dữ liệu liên tục, ổn định để Sở Giao thông vận tải, các Cảng vụ Hàng hải khu vực, Ban Soài Rạp, Tư vấn giám sát có thể theo dõi, kiểm tra, giám sát qua hệ thống mạng internet.

3.2 Thiết bị ghi hình (Camera) phải đảm bảo điều kiện làm việc theo chuẩn IP 66 (có khả năng chống va đập, bụi, nước), độ phân giải hình ảnh tối thiểu 420 TV line, hỗ trợ các chuẩn nén H.264, MPEG-4 và MJPEG, có tính năng hồng ngoại để có khả năng ghi lại hình ảnh trong cả ban ngày và ban đêm, hiển thị đầy đủ thời gian thực tại thời điểm ghi hình, dung lượng bộ nhớ đảm bảo ghi và lưu giữ hình ảnh liên tục trong suốt quá trình thi công nạo vét; phải lắp đặt ít nhất 02 thiết bị ghi hình để phòng ngừa sự cố xảy ra (chỉ tiến hành ghi hình liên tục trên một camera, khi camera này có sự cố thì mới tiến hành ghi hình trên camera dự phòng).

3.3 Hệ thống giám sát nạo vét phải được lắp đặt và bảo quản nhằm chống nước và độ ẩm cao. Nguồn điện cung cấp cho hệ thống giám sát nạo vét hoạt động phải

đảm bảo liên tục và ổn định (24/24 giờ).

3.4 Hệ thống giám sát nạo vét phải được lắp đặt tại vị trí phù hợp, cố định trên phương tiện thi công (có dán niêm phong), thuận lợi cho việc khai thác, giám sát, ghi nhận lại hình ảnh trong quá trình thi công, vận chuyển đồ bùn đất nạo vét, không xảy ra hiện tượng di dời, tháo lắp, thay đổi vị trí trong toàn bộ quá trình nạo vét.

4. Tính an toàn dữ liệu của hệ thống giám sát nạo vét:

4.1 Các dữ liệu được ghi nhận phải đảm bảo không được xóa hoặc thay đổi trong suốt thời gian lưu trữ.

4.2 Dữ liệu ghi và lưu trữ trong bộ nhớ phải được cài đặt mật khẩu trước khi thực hiện công tác nạo vét và đồ bùn đất nạo vét (mật khẩu do Ban Soài Rạp chịu trách nhiệm quản lý và được cung cấp cho Cảng vụ Hàng hải khu vực, Tư vấn giám sát để giám sát và kiểm tra khi cần thiết). Việc sao chép, kiểm tra dữ liệu trong quá trình thi công chỉ thực hiện khi cần thiết ngay trên thiết bị lắp đặt tại phương tiện theo yêu cầu của tư vấn giám sát, chủ đầu tư hoặc các cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết thúc công trình, nhà thầu có trách nhiệm nộp lại toàn bộ các ổ cứng đã sử dụng cho Chủ đầu tư để lưu trữ bản gốc của dữ liệu. dữ liệu cần được lưu trữ ít nhất 03 (ba) năm để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra.

5. Ban Soài Rạp có trách nhiệm kiểm tra hệ thống giám sát nạo vét, giám sát việc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét của nhà thầu thi công và niêm phong để bảo đảm không xảy ra việc tháo dỡ, di chuyển hay can thiệp làm sai lệch kết quả của hệ thống giám sát.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý dự án đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với công tác duy tu nạo vét tuyến luồng hàng hải Soài Rạp theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá

việc thực hiện thí điểm theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Công văn số 8436/VPCP-KTTH ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

Chủ động kiểm tra giám sát công tác môi trường trong quá trình thực hiện duy tu, nạo vét luồng Soài Rạp và các chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bố trí đủ vốn ngân sách thành phố bổ sung để thực hiện duy tu, nạo vét luồng Soài Rạp trong trường hợp nguồn thu phí bảo đảm hàng hải không đủ.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải thẩm định dự toán, thẩm tra quyết toán kinh phí và ra thông báo thẩm định quyết toán ngân sách duy tu, nạo vét luồng Soài Rạp, làm cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Giao thông vận tải (đối với phần kinh phí từ ngân sách Trung ương – từ nguồn thu phí) và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố (đối với phần kinh phí từ ngân sách Thành phố).

3. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố việc thực hiện ghi thu ngân sách Trung ương, ghi chi cho Bộ Giao thông vận tải đối với nguồn thu phí bảo đảm hàng hải của luồng hàng hải Soài Rạp đã được giao. Đồng thời, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Giao thông vận tải tổng hợp, gửi Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sử dụng nguồn thu phí bảo đảm hàng hải còn dư.

Điều 11. Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án Nạo vét luồng Soài Rạp (giai đoạn 2)

1. Chịu trách nhiệm về các công việc do mình đảm nhiệm, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, hoàn thành kế hoạch nhiệm vụ hàng năm.

2. Bảo đảm chất lượng công trình theo đúng các quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng.

3. Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền chủ tài khoản cho Ban Quản lý dự án

Nạo vét luồng Soài Rạp (giai đoạn 2). Ban Quản lý dự án Nạo vét luồng Soài Rạp (giai đoạn 2) mở Tài khoản 3741- Tiền gửi có mục đích tại Kho bạc Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định pháp luật để tiếp nhận dự toán kinh phí bảo đảm hàng hải.

4. Lập kế hoạch quản lý môi trường trên cơ sở chương trình quản lý môi trường và giám sát môi trường đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt. Chủ trì, phối hợp nhà thầu thi công lập hồ sơ xin chấp thuận vị trí bãi đổ bùn nạo vét theo đúng quy định hiện hành, xử lý các sự cố môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý bùn nạo vét. Chịu trách nhiệm báo cáo tiến độ nạo vét và những thay đổi phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện thu gom, vận chuyển bùn nạo vét chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền.

5. Tổ chức kiểm tra, rà soát các phương tiện do nhà thầu đề xuất bố trí phục vụ thi công tại hồ sơ trúng thầu và thực tế thi công để gửi Cảng vụ Hàng hải khu vực xin cấp phép hoạt động thi công. Phối hợp nhà thầu thi công, tư vấn giám sát thực hiện rà soát và phê duyệt biện pháp tổ chức thi công, biện pháp kiểm soát chất lượng công trình, tiến độ thi công chi tiết, biện pháp quản lý an toàn lao động, vệ sinh môi trường.

6. Tổ chức lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải trình Cảng vụ Hàng hải khu vực phê duyệt theo quy định trước khi triển khai thi công; tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện phương án bảo đảm an toàn hàng hải sau khi triển khai thi công công trình.

7. Trong quá trình thi công, phải có bộ phận nhân sự thường trực tại hiện trường để theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của tư vấn giám sát và nhà thầu thi công (kể cả nhà thầu phụ và các phương tiện thiết bị đi thuê), lập biên bản xử lý đối với các hoạt động không đúng quy định của các đơn vị này.

8. Thực hiện quản lý giám sát việc nạo vét và đổ bùn đất nạo vét theo đúng quy định, đảm bảo an toàn hàng hải, định kỳ báo cáo hàng tháng và khi có yêu cầu đột xuất gửi về Sở Giao thông vận tải.

9. Nghiệm thu, thanh toán các hạng mục công việc khi nhà thầu hoàn thành theo đúng hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được duyệt và bảo đảm chất lượng.

10. Sao chép các hình ảnh từ thiết bị ghi hình (Camera) lắp đặt trên phương tiện và các ảnh chụp khoang chứa bùn đất của phương tiện do tư vấn giám sát thực hiện để lưu trữ cùng với hồ sơ hoàn thành công trình theo đúng quy định.

11. Cung cấp, bàn giao đầy đủ cho nhà thầu các mốc cao độ hiện hữu tại hiện trường theo yêu cầu để phục vụ cho công tác khảo sát đo đạc công trình. Sử dụng bình đồ khảo sát đo đạc nghiệm thu tại hiện trường để ra thông báo hàng hải trước khi tổ chức nghiệm thu hoàn thành đưa công trình vào sử dụng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Vĩnh Tuyên

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng